

TỜ TRÌNH

Về việc giao biên chế công chức hành chính; phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017 của tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Thực hiện Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP của Chính phủ, UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện chỉ tiêu biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2016 và kế hoạch năm 2017, như sau:

A. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC NĂM 2016.

I. CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP) GIAO NĂM 2016

Thực hiện Nghị quyết số 123/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVI, Kỳ họp thứ 13 về phê chuẩn tổng biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2015, 2016 của tỉnh Thanh Hóa, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 giao chỉ tiêu biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2015, 2016 cho các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố với tổng số là 64.933 biên chế, trong đó: Biên chế công chức hành chính: 4.357, số lượng người làm việc: 60.576.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, do yêu cầu nhiệm vụ thực tế, Chủ tịch UBND tỉnh đã quyết định bổ sung, điều chuyển biên chế, như sau:

- Giao bổ sung 02 biên chế công chức hành chính cho Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (theo ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 419/CV-HĐND ngày 13/10/2015 và Quyết định số 4255/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Giảm và điều chuyển 02 biên chế công chức hành chính của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; đồng thời tăng 02 biên chế sự nghiệp cho Trung tâm

chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa trực thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (theo Quyết định số 3958/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Chuyển giao 06 biên chế công chức hành chính từ Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh sang Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa thuộc Văn phòng Quốc hội (theo các Quyết định số 1153, 1154/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh).

Sau khi bổ sung, điều chuyển biên chế nêu trên, tổng số biên chế công chức hành chính, biên chế sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập giao năm 2016 là 64.929, cụ thể như sau:

1. Biên chế công chức hành chính là 4.351.

2. Biên chế sự nghiệp là 60.578, bao gồm:

a) Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 50.662, trong đó:

- Khối Mầm non: 11.599 biên chế;
- Khối Tiểu học: 16.545;
- Khối Trung học cơ sở: 14.123;
- Khối Trung học phổ thông: 6.312;
- Khối Giáo dục thường xuyên và dạy nghề: 720;
- Khối Đại học, cao đẳng, THCN và dạy nghề: 1.363.

b) Sự nghiệp y tế: 7.500.

c) Sự nghiệp văn hoá, thông tin và thể thao: 1.050.

d) Sự nghiệp khác: 1.366.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 7 NĂM 2016

1. Biên chế công chức hành chính

Tổng số biên chế công chức hành chính và hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ (sau đây gọi tắt là hợp đồng 68) trong chỉ tiêu biên chế của các sở, UBND cấp huyện thực hiện đến ngày 30/7/2016 là 4.101, thấp hơn so với biên chế được giao năm 2016 là 250 biên chế¹. Tuy nhiên, các sở, UBND cấp huyện đã thực hiện lao động hợp đồng ở các phòng, ban chuyên môn là 455 người, gồm: Cấp sở là 128 người, cấp huyện là 327 người.

2. Biên chế sự nghiệp

Căn cứ chỉ tiêu biên chế được giao năm 2016 và yêu cầu nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện giao biên chế cho các đơn vị trực thuộc; chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc tuyển dụng, tiếp nhận, bố trí, sử dụng biên chế cán bộ, viên chức theo quy định. Kết quả thực hiện đến ngày 30/7/2016 là 59.774 biên chế, thấp hơn biên chế được giao 804 biên chế.

¹ Thấp hơn do nghi BHXH, thực hiện tinh giản biên chế hoặc do chuyển chuyên,....

Tuy nhiên, ngoài 3.456 lao động hợp đồng được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt², các sở, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tự thực hiện ký lao động hợp đồng ngoài biên chế là 9.768 người; trong đó: các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh ký hợp đồng 841 người, các đơn vị trực thuộc sở ký hợp đồng 6.056 người, các đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện ký hợp đồng 2.871 người.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ

1. Ưu điểm

- Việc thực hiện chỉ tiêu biên chế công chức hành chính trong các cơ quan hành chính, biên chế sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2016 về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương; đã bổ sung, điều chuyển biên chế kịp thời cho các cơ quan, đơn vị theo yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Biên chế công chức hành chính được tuyển dụng bảo đảm nghiêm túc, công khai, minh bạch, từng bước nâng cao chất lượng, đảm bảo cơ cấu theo yêu cầu vị trí việc làm của từng cơ quan, đơn vị, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Biên chế trong các đơn vị sự nghiệp công lập bước đầu được tuyển dụng, bố trí, sử dụng trên cơ sở xác định vị trí việc làm, theo chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, sử dụng hợp lý, hiệu quả đối với biên chế được giao.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế:

- Việc xây dựng Đề án vị trí việc làm, nhất là khối các đơn vị sự nghiệp còn nhiều khó khăn do các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành chưa đầy đủ, thiếu cụ thể trong việc xác định định mức, cơ cấu chức danh công chức, viên chức làm cơ sở xác định cụ thể số biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ và khối lượng công việc thực tế được giao.

- Việc triển khai thực hiện Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế chưa đạt so với yêu cầu.

- Một số cơ quan, đơn vị không sử dụng hết chỉ tiêu biên chế được giao nhưng không thực hiện việc tuyển dụng theo quy định mà thực hiện chế độ hợp đồng lao động ngoài biên chế không đúng quy định với số lượng lớn.

- Việc triển khai thực hiện quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016; Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015), làm cơ sở để các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi mô hình hoạt động và có nguồn thu dịch vụ bảo đảm cân

² Gồm: 2.848 lao động hợp đồng giao cho UBND các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện hợp đồng lao động làm giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và 608 hợp đồng có quỹ lương giao cho các đơn vị sự nghiệp của các sở: Lao động, Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và PTNT, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương; Văn phòng UBND tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

đôi chi thường xuyên quyết định số lượng người làm việc, tự đảm bảo kinh phí của đơn vị mình thay vì giao số lượng người làm việc (biên chế) và chuyển đổi mô hình hoạt động còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng đối với các đơn vị trong việc thực hiện quản lý, sử dụng biên chế; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế đối với các cơ quan đơn vị theo các qui định hiện hành của nhà nước còn nhiều hạn chế.

- Việc đánh giá nhu cầu biên chế của các đơn vị sự nghiệp để đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao chưa sát với thực tế.

2.2. Nguyên nhân:

- Đối với các sở, UBND cấp huyện: Một số đơn vị được bổ sung nhiệm vụ, tăng khối lượng công việc nhưng không được bổ sung biên chế; mặt khác, quá trình tổ chức thi tuyển công chức hàng năm của tỉnh diễn ra nghiêm túc, chặt chẽ nên không tuyển đủ số công chức theo chỉ tiêu biên chế được giao nên các sở, UBND cấp huyện đã thực hiện lao động hợp đồng để bố trí làm chuyên môn, nghiệp vụ không đúng quy định.

- Đối với sự nghiệp giáo dục: Một số huyện, thị xã, thành phố chưa thực hiện hết chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao ở các trường Khối mầm non, Tiểu học, nhưng UBND các huyện, thị xã, thành phố không thực hiện việc tuyển dụng giáo viên theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 7, Quyết định số 3678/2011/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh mà thực hiện chế độ hợp đồng lao động làm giáo viên và nhân viên hành chính ở các trường mầm non, tiểu học trái quy định và vượt chỉ tiêu được giao.

Việc giao chỉ tiêu số lượng người làm việc đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở được giữ ổn định trong thời gian dài, không bổ sung từ năm 2012 đến nay, trong khi số học sinh, số lớp khối mầm non, tiểu học tăng dẫn đến thiếu biên chế, nhất là các môn đặc thù theo yêu cầu trường đạt chuẩn quốc gia; mặt khác, cơ cấu giáo viên các bộ môn chưa đảm bảo giữa giáo viên các môn văn hóa, giáo viên các môn đặc thù và nhân viên hành chính.

Vì vậy, UBND cấp huyện đã thực hiện hợp đồng lao động làm giáo viên đối với các môn đặc thù, các bộ môn còn thiếu và nhân viên hành chính các cấp học, để thực hiện nhiệm vụ.

- Đối với sự nghiệp y tế: Do kế hoạch giao chỉ tiêu phát triển giường bệnh cho các bệnh viện công lập tăng, trong khi chỉ tiêu số lượng người làm việc chưa được giao bổ sung tương ứng theo định mức tối thiểu; vì vậy, để có đủ số người làm việc, đồng thời giải quyết tình trạng quá tải của các bệnh viện, Sở Y tế đã thực hiện giao không đúng thẩm quyền về định mức số lượng lao động hợp đồng cho các bệnh viện, đơn vị trực thuộc.

Sở Y tế chưa kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ quy định về y tế xã, phường, thị trấn thay thế Quyết định số 58/TTg ngày 03/02/1994 của Thủ tướng Chính phủ, để chuyển số người làm việc tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thành viên chức theo quy định của pháp luật.

- Một số đơn vị sự nghiệp có khối lượng công việc lớn, có nguồn thu đảm bảo, trong khi chỉ tiêu số lượng người được giao ít, nhưng lại không thực hiện tăng thêm biên chế để thực hiện tự chủ theo quy định, như: các trường cao đẳng nghề, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Viện Quy hoạch Kiến trúc,... mà chỉ thực hiện lao động hợp đồng ngoài biên chế để thực hiện nhiệm vụ.

B. KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC NĂM 2017.

I. CĂN CỨ VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ

1. Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức, Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ Quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP; Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện một số loại hợp đồng công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

2. Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.

3. Chỉ tiêu biên chế công chức hành chính được Bộ Nội vụ giao theo Quyết định số 3925/QĐ-BNV ngày 25/10/2016; Công văn số 2591/BNV-TCBC ngày 10/6/2016 của Bộ Nội vụ về việc quản lý biên chế công chức, biên chế sự nghiệp và tinh giản biên chế; Công văn số 4308/BNV-TCBC ngày 13/9/2016 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các trường mầm non công lập tỉnh Thanh Hóa năm học 2016-2017.

4. Kế hoạch số 14-KH/TU ngày 07/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

5. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;

7. Định mức biên chế do cơ quan nhà nước có thẩm quyền qui định;

8. Kế hoạch thực hiện xã hội hoá các hoạt động giáo dục và đào tạo, y tế, văn hoá thông tin, thể thao, nghiên cứu khoa học và sự nghiệp khác;

9. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghỉ hưu theo quy định và thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP năm 2015, 2016.

II. MỘT SỐ NGUYÊN TẮC VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRONG VIỆC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2017

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Công văn

số 2591/BNV-TCBC ngày 10/6/2016 của Bộ Nội vụ về việc quản lý biên chế công chức, biên chế sự nghiệp và tinh giản biên chế; theo đó quy định: “hàng năm, giảm 50% số biên chế thuộc diện tinh giản và giảm 50% biên chế của số cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu đúng tuổi hoặc thôi việc theo quy định trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập từ Trung ương đến địa phương. Riêng đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, do tăng số lớp, số học sinh, tăng số giường bệnh thực tế sử dụng mà không tự cân đối được biên chế thì Bộ, ngành, địa phương đề nghị Bộ Nội vụ để giải quyết theo thẩm quyền”. Do đó:

1. Đối với biên chế công chức hành chính

- Thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị và của Chính phủ: Giảm 50% số biên chế công chức đã thực hiện tinh giản biên chế và nghỉ hưu năm 2015, 2016; trừ một số đơn vị đặc thù (theo phụ lục số 01).

- Giao số biên chế công chức hành chính bằng hoặc thấp hơn số biên chế công chức hành chính năm 2017 được Bộ Nội vụ giao.

- Giao tách riêng chỉ tiêu số lượng người làm hợp đồng theo hợp đồng 68 đối với những người được tuyển dụng, hợp đồng lao động sau ngày 23/5/1993 đến nay (nhưng không quá 04) cho các sở, UBND các huyện, thị xã, thành phố, để thực hiện việc quản lý, sử dụng theo đúng quy định.

- Chưa giao bổ sung biên chế cho các chức danh chuyên trách của các Ban thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh, HĐND cấp huyện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015. Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chỉ tiêu biên chế công chức hành chính được giao năm 2017 đề chủ động bố trí, sắp xếp, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Đối với biên chế sự nghiệp

2.1. Sự nghiệp y tế:

- Đối với khối bệnh viện và khối Trung tâm hệ dự phòng (tuyến tỉnh, tuyến huyện):

+ Không tăng biên chế; tuy nhiên, do số biên chế hiện nay được giao đang thấp hơn so với định mức quy định tại Thông tư số 08/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ, nên chưa thực hiện chủ trương giảm 50% số biên chế viên chức thuộc diện tinh giản và nghỉ hưu đúng tuổi năm 2015, 2016, để dành chỉ tiêu này thực hiện việc tuyển dụng số bác sỹ nội trú, bác sỹ chính quy bổ sung cho các bệnh viện, nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh.

+ Sở Y tế phối hợp với Sở Nội vụ căn cứ định mức quy định tại Thông tư số 08/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước, các đơn vị sự nghiệp y tế khối dự phòng, các quy định khác của pháp luật có liên quan và tình hình thực tế, tham mưu cho UBND tỉnh tính đủ số lượng người làm việc theo cơ cấu, chủng loại để nâng cao công suất giường bệnh, báo cáo Bộ Nội vụ thẩm định trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với các trạm y tế xã, phường, thị trấn: Trong khi chưa được Bộ Nội vụ thẩm định và cấp có thẩm quyền giao chỉ tiêu viên chức (nhân viên y tế) để thực hiện theo Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ quy định về y tế xã, phường, thị trấn, thì tạm giao chỉ tiêu hợp đồng lao động để thực hiện.

2.2. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo:

a) Khối mầm non, tiểu học, trung học cơ sở:

- Giao biên chế năm 2017 theo Quyết định số 3642/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc tạm giao biên chế cho các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và Công văn số 4308/BNV-TCBC ngày 13/9/2016 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các trường mầm non công lập tỉnh Thanh Hóa.

- Trường hợp đặc biệt do tăng số học sinh cao hơn, cần phải tăng số lượng giáo viên hoặc cần bổ sung giáo viên các môn đặc thù do thiếu về cơ cấu, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố có văn bản báo cáo cụ thể, gửi Sở Nội vụ (chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo) thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho thực hiện chế độ hợp đồng trong khi chưa được tăng biên chế; đồng thời, thực hiện việc báo cáo Bộ Nội vụ biết. Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm cá nhân trước UBND, Chủ tịch UBND tỉnh về số liệu báo cáo.

b) Khối các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp:

- Đối với các trường tự chủ được một phần chi phí hoạt động thường xuyên: Không tăng biên chế; đồng thời, thực hiện giảm một phần biên chế (kinh phí chi trả từ nguồn ngân sách nhà nước) để chuyển sang thực hiện biên chế tăng thêm do đơn vị quyết định sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đơn vị tự chi trả kinh phí) theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

- Đối với các trường chưa tự chủ được một phần chi phí hoạt động thường xuyên thì thực hiện giảm 50% số biên chế viên chức thuộc diện tinh giản biên chế và nghỉ hưu năm 2015, 2016 theo đúng quy định.

2.3. Sự nghiệp khác

- Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo kinh phí hoạt động: Không tăng biên chế, thực hiện giảm 50% số biên chế viên chức đã thực hiện tinh giản biên chế và nghỉ hưu năm 2015, 2016, không tuyển dụng bổ sung viên chức mới; đồng thời, thực hiện giảm một phần biên chế (kinh phí chi trả từ nguồn ngân sách nhà nước) để chuyển sang thực hiện biên chế tăng thêm do đơn vị quyết định sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đơn vị tự chi trả kinh phí) theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên, có số lượng người làm việc chưa đủ định mức tối thiểu theo yêu cầu nhiệm vụ cần phải bổ sung, trong khi chưa có văn bản chấp thuận của

Bộ Nội vụ thì thực hiện biên chế tăng thêm do đơn vị quyết định sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội làm công tác bảo trợ, chăm sóc sức khỏe người có công thì chưa thực hiện giảm 50% số biên chế viên chức thuộc diện tinh giản biên chế và nghỉ hưu năm 2015, 2016.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp còn lại giảm 50% số biên chế viên chức thuộc diện tinh giản biên chế và nghỉ hưu năm 2015, 2016 theo đúng quy định.

3. Đối với các Hội được giao biên chế.

Số Hội được giao biên chế là 10 Hội, với tổng số biên chế được giao 64: Năm 2017, cơ bản giữ nguyên số biên chế được giao năm 2016 và tiến tới giảm và không giao biên chế mà chỉ thực hiện hỗ trợ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được cơ quan nhà nước giao đúng theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự đảm bảo về kinh phí hoạt động.

III. ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH GIAO BIÊN CHẾ NĂM 2017

1. Biên chế công chức hành chính.

- Biên chế công chức hành chính năm 2016 được Bộ Nội vụ giao tại Quyết định số 1800/QĐ-BNV ngày 30/11/2015 là **4.216**; UBND tỉnh giao là **4.351³**, cao hơn **135 biên chế** so với số giao của Bộ Nội vụ.

- Biên chế công chức hành chính năm 2017 được Bộ Nội vụ giao tại Quyết định số 3925/QĐ-BNV ngày 25/10/2016 là **4.152**, giảm **64 biên chế** so với số Bộ Nội vụ giao năm 2016 (theo lộ trình mỗi năm giảm 1,5% biên chế để đạt giảm tối thiểu 10% biên chế vào năm 2021), thấp hơn so với số biên chế UBND tỉnh giao năm 2016 là **199 biên chế**.

UBND tỉnh đề xuất giao tổng số chỉ tiêu biên chế công chức hành chính và số lượng lao động hợp đồng 68 năm 2017 cho các sở, UBND các huyện, thị xã, thành phố là: **4.275**, giảm **76 biên chế** so với biên chế giao năm 2016, trong đó:

- Chỉ tiêu biên chế công chức hành chính: **4.119** biên chế, thấp hơn **33** so với số biên chế Bộ Nội vụ giao năm 2017; giảm **232** so với biên chế UBND tỉnh giao năm 2016, gồm:

+ Giảm **156** biên chế công chức do giao tách riêng số lượng người làm công việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ từ ngày 25/5/1993 đến nay trong chỉ tiêu biên chế giao năm 2016 của các đơn vị, để giao tương ứng **156** lao động hợp đồng theo quy định tại Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Giảm **78** biên chế công chức do thực hiện chủ trương giảm 50% biên chế của số cán bộ, công chức nghỉ hưu và thực hiện tinh giản biên chế năm 2015, 2016 (nhưng giảm tối đa mỗi đơn vị không quá 04 biên chế).

³ Bao gồm cả hợp đồng 68

+ Tăng 02 biên chế cho Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh: Để bố trí cho vị trí việc làm do khối lượng công việc tăng thêm để thực hiện chính sách đối với người có công (Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, đối tượng có công trong kháng chiến...) theo quy định mới của Luật thi đua khen thưởng; nhiệm vụ theo dõi, tổng hợp, đánh giá, xét tặng tập thể, cá nhân đạt danh hiệu kiểu mẫu, xét danh hiệu xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Số biên chế công chức hành chính giao năm 2017 thấp hơn 33 biên chế so với biên chế Bộ Nội vụ giao, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét giao danh mục biên chế công chức dự phòng năm 2017, để bố trí cho các cơ quan, tổ chức được bổ sung tăng chức năng, nhiệm vụ hoặc được thành lập mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền, như: Sở Du lịch tỉnh Thanh Hóa, Trung tâm hành chính công tỉnh Thanh Hóa,... theo nguyên tắc: Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, cơ quan, tổ chức mới được thành lập, UBND tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến để giao biên chế dự phòng cho các cơ quan, tổ chức được bổ sung chức năng, nhiệm vụ hoặc thành lập mới.

- Chỉ tiêu số lượng lao động hợp đồng 68: 156 người.

Trước mắt, năm 2017, đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh giao kinh phí cho số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định 68 bằng với định mức kinh phí giao biên chế công chức hành chính.

(Chi tiết chỉ tiêu biên chế hành chính, LĐHĐ 68 năm 2017 của từng đơn vị có Phụ lục số 2 kèm theo).

2. Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập:

Với các nguyên tắc, quy định như trên, UBND tỉnh đề xuất giao chỉ tiêu số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017, như sau:

- Số lượng người làm việc giao năm 2017 là: **60.453 người, giảm 125** so với số giao năm 2016.

- Số lượng người làm việc giao dự phòng năm 2017 là: **561 người.**

Số giao dự phòng dùng để bổ sung biên chế cho các đơn vị được bổ sung chức năng, nhiệm vụ hoặc thành lập mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền theo nguyên tắc: Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, cơ quan, tổ chức mới được thành lập, UBND tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến để giao biên chế dự phòng cho các cơ quan, tổ chức được bổ sung chức năng, nhiệm vụ hoặc thành lập mới; tuyển sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành sư phạm loại giỏi và giáo viên Tiếng Anh còn thiếu ở các cấp học.

Cụ thể như sau:

2.1. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo:

- Số lượng người làm việc giao năm 2017: **50.608, giảm 54 người**, so với số giao năm 2016, gồm:

a) Khối mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở: 42.778, tăng 511 so với số giao năm 2016.

- Tính theo định mức quy định tại Quyết định số 3185/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh, thì nhu cầu số lượng người làm việc Khối mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở năm 2017 là: **47.461**, trong đó:

+ Khối Mầm non: 18.339 người.

+ Khối Tiểu học: 16.976 người.

+ Khối Trung học cơ sở: 12.146 người.

- Đề xuất số lượng người làm việc Khối mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở giao năm 2017 là: **42.778**. Theo số tạm giao tại Quyết định số 3642/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh Thanh Hoá và Công văn số 4308/BNV-TCBC ngày 13/9/2016 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các trường mầm non công lập tỉnh Thanh Hóa), trong đó:

+ Khối mầm non: 12.692 người (được Bộ Nội vụ bổ sung 511 biên chế so với quyết định tạm giao của UBND tỉnh), thấp hơn nhu cầu theo định mức quy định của tỉnh 5.647 người;

+ Khối Tiểu học: 16.551 người, thấp hơn nhu cầu theo định mức quy định của tỉnh 425;

+ Khối trung học cơ sở: 13.535 người, cao hơn nhu cầu theo định mức quy định của tỉnh 1.389 (UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện điều chuyển 694 giáo viên THCS dôi dư: xuống các trường mầm non là 148, xuống các trường tiểu học là 350 người, sang trung tâm học tập cộng đồng 196 người).

Số lượng người làm việc ở các trường mầm non còn thiếu so với số lượng người làm việc tính theo định mức quy định của tỉnh tại Quyết định số 3185/QĐ-UBND ngày 23/8/2016, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh cho thực hiện hợp đồng theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 2.651 người (do đã có 2.848 người được thực hiện hợp đồng theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và 148 người tiếp nhận từ khối trung học cơ sở) để có đủ số lượng người làm việc cần thiết trong các trường mầm non công lập trên địa bàn tỉnh.

b) Khối trung học phổ thông - Sở Giáo dục và Đào tạo.

+ Số lượng người làm việc được giao năm 2016 là 6.312.

+ Đơn vị đề nghị số lượng người làm việc năm 2017 là 6.312.

+ Số lượng người làm việc đề xuất giao năm 2017: 5.803 người là số nhu cầu người làm việc tính theo định mức quy định tại Quyết định số 3465/QĐ-UBND ngày 9/9/2016 của UBND tỉnh, giảm 509 người so với số giao năm 2016.

Đối với số lượng người làm việc giảm 509, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh giao vào danh mục số lượng người làm việc dự phòng năm 2017 của tỉnh, để thực hiện việc tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành sư phạm loại giỏi từ các trường Đại học có uy tín cao trong cả nước bố trí cho các trường THPT, THCS trên địa bàn tỉnh và tuyển dụng giáo viên Tiếng Anh còn thiếu ở các cấp học.

c) Khối Trung tâm Giáo dục thường xuyên và dạy nghề cấp huyện, đề xuất giao năm 2017 là: 716 người làm việc, giảm 04 người so với số giao năm 2016 tại 3 đơn vị, gồm:

- Trung tâm GDTX - Huyện Nông Công: 01 người;
- Trung tâm GDTX - Huyện Thiệu Hóa 01 người;
- Trung tâm GDTX - Huyện Đông Sơn: 02 người.

Đồng thời, tiếp tục thực hiện lộ trình giảm 50% số cán bộ, viên chức nghỉ hưu đúng tuổi và thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

d) Khối Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, đề xuất giao năm 2017 là: 1.311 người làm việc, giảm 52 người so với số giao năm 2016, cụ thể như sau:

- Giảm do thực hiện nghỉ hưu và tinh giản biên chế là 31 người tại 7 đơn vị, gồm:

- + Trường Trung cấp nghề thương mại du lịch - Sở Công Thương: 01;
- + Trường Trung cấp nghề miền núi - Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: 01;
- + Trường Đại học Hồng Đức: 23;
- + Trường Cao đẳng Y tế: 02;
- + Trường Cao đẳng thể dục thể thao: 02;
- + Trường Cao đẳng Nông lâm Thanh Hóa: 01;
- + Trường Trung cấp nghề tiểu thủ công nghiệp - Liên minh Hợp tác xã: 01.

- Giảm do bước đầu chuyển một phần biên chế được giao sang thực hiện biên chế tự chủ do đơn vị quyết định (sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt) là 21 người tại 3 đơn vị (đề nghị giao vào danh mục số lượng người làm việc dự phòng năm 2017 của tỉnh), gồm:

- + Trường Trung cấp nghề Xây dựng - Sở Xây dựng: 10;
- + Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải - Sở Giao thông: 07;
- + Trường Cao đẳng nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 04.

2.2. Sự nghiệp y tế - Sở Y tế:

Tổng số lượng người làm việc sự nghiệp y tế đề xuất giao năm 2017 là: 7.500 người, bằng số giao năm 2016.

a) Các đơn vị sự nghiệp y tế Khối khám chữa bệnh (các Bệnh viện): 6.011, bằng số giao năm 2016.

Tính theo định mức tối thiểu quy định tại Thông tư số 08/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước, các đơn vị sự nghiệp y tế khối khám chữa bệnh, nhu cầu biên chế năm 2017 khối khám chữa bệnh là 9.526, cao hơn biên chế giao năm 2016 là 3.515.

Để đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh, nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân; đồng thời khắc phục tình trạng quá tải của các bệnh viện, cũng như khắc phục tình trạng thực hiện lao động hợp đồng ngoài biên chế để làm nhiệm vụ khám chữa bệnh không đúng quy định, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh cho thực hiện biên chế tăng thêm do đơn vị quyết định sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

b) Các đơn vị sự nghiệp y tế Khôi y tế dự phòng (các Trung tâm): 1.469, bằng số giao năm 2016: Theo quy định về định mức tối thiểu tại Thông tư số 08/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước, các đơn vị sự nghiệp y tế khôi dự phòng, nhu cầu biên chế là **1.737**, cao hơn biên chế giao năm 2016 là **268**.

c) Trạm y tế tuyến xã:

Hiện nay, cán bộ y tế của trạm y tế 635 xã, phường, thị trấn trực thuộc Trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố đang hưởng chế độ, chính sách theo Quyết định số 58/TTg ngày 03/02/1994 của Thủ tướng Chính phủ và không nằm trong hệ thống biên chế hành chính, sự nghiệp của tỉnh⁴. Ngày 08/12/2014, Chính phủ ban hành Nghị định số 117/2014/NĐ-CP quy định về y tế xã, phường, thị trấn thay thế Quyết định số 58/TTg ngày 03/02/1994 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó quy định người làm việc tại Trạm Y tế xã là viên chức và quy định định mức biên chế y tế xã, phường, thị trấn tính theo Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ, như sau: Biên chế tối thiểu: 5 người/Trạm y tế; Biên chế tối đa: không quá 10 người/Trạm.

Tuy nhiên, từ khi Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế có hiệu lực đến nay, UBND tỉnh chưa đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh giao biên chế nhân viên Y tế xã, phường, thị trấn (nay là biên chế viên chức theo Nghị định 117/2014/NĐ-CP của Chính phủ). Số lượng nhân viên y tế xã, phường, thị trấn đến năm 2016 do Giám đốc Sở Y tế, căn cứ vào định mức quy định tại Quyết định số 3123/QĐ-UBND ngày 06/11/1995 của UBND tỉnh giao cho các Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố để bố trí nhân viên y tế làm việc ở các trạm y tế xã, phường, thị trấn (số lượng hiện giao là: **3.289 người**).

Để triển khai thực hiện Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ; trong khi chưa được Bộ Nội vụ chấp thuận giao chỉ tiêu nhân viên y tế xã, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu nhân viên y tế (hợp đồng lao động) đối với các trạm y tế xã là **3.289 người** (bình quân 5,2 người/trạm).

2.3. Sự nghiệp văn hoá, thông tin và thể thao:

⁴ Từ năm 2016 trở về trước, UBND tỉnh chưa giao biên chế. Hiện nay, số lượng nhân viên y tế xã, phường, thị trấn, do Giám đốc Sở Y tế giao cho các Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố là 3.299 người

- Tổng số lượng người làm việc sự nghiệp văn hoá, thông tin và thể dục thể thao, đề xuất giao năm 2017 là: 1.007, giảm 43 so với số giao năm 2016, cụ thể như sau:

- Giảm do thực hiện nghỉ hưu đúng tuổi và tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014 của Chính phủ là 25 người, tại 13 đơn vị, gồm:

- + Trung tâm Văn hóa Thông tin - UBND huyện Thường Xuân: 03;
- + Đài truyền thanh - UBND huyện Thường Xuân: 01;
- + Trung tâm Văn hóa , Thông tin - UBND huyện Cẩm Thủy: 01;
- + Trung tâm Văn hóa , Thông tin - UBND huyện Vĩnh Lộc: 01;
- + Trung tâm Văn hóa , Thông tin, Thể dục thể thao - UBND TP Thanh Hóa: 01;
- + Thư viện tỉnh: 02, Ban nghiên cứu lịch sử tỉnh: 01;
- + Bảo tàng tỉnh: 03;
- + Nhà hát ca múa kịch Lam Sơn: 05;
- + Đoàn cải lương: 02;
- + Đoàn Tuồng: 02;
- + Đoàn chèo: 02;
- + Báo Văn hóa đời sống: 01.

- Riêng Trung tâm văn hóa tỉnh: Có số lượng viên chức nghỉ hưu và tinh giản biên chế năm 2015, 2016 là 04, theo quy định sẽ giảm 02 biên chế. Tuy nhiên, đề nghị không giảm theo quy định, để giúp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo dõi, thực hiện nhiệm vụ về triển lãm sau khi chuyển giao Trung tâm Triển lãm - Hội chợ - Quảng cáo từ trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh quản lý.

- Giảm do bước đầu chuyển một phần biên chế được giao sang thực hiện biên chế tự chủ do đơn vị quyết định (sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt) là 18 người tại 2 đơn vị (đề nghị giao vào danh mục số lượng người làm việc dự phòng năm 2017 của tỉnh), gồm:

- + Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng: 06;
- + Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh: 12, là số người làm việc được giao để thành lập kênh TTV2 nhưng hiện nay không được thành lập.

2.4. Sự nghiệp khác:

- Tổng số lượng người làm việc sự nghiệp khác, đề xuất giao năm 2017 là: 1.338, giảm 28 người so với số giao năm 2016, cụ thể như sau:

- Giảm do thực hiện nghỉ hưu và tinh giản biên chế là 15 người, tại 7 đơn vị, gồm:

- + Đội quy tắc đô thị - UBND Thành phố Thanh Hóa: 01;

- + Liên minh hợp tác xã: 01 người;
- + Chi cục Bảo vệ thực vật - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 01;
- + Vườn quốc gia Bến En : 04;
- + Trung tâm khuyến nông - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 01;
- + 12 Ban Quản lý rừng phòng hộ - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 02;

+ Chi cục Thú y - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: có số lượng viên chức nghỉ hưu và tinh giản biên chế năm 2015, 2016 là 16, theo quy định trừ 08. Tuy nhiên, để đáp ứng nhiệm vụ theo địa bàn quản lý và bổ sung nhiệm vụ mới, nên đề nghị chỉ giảm 05 biên chế;

+ Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, gồm: Trung tâm điều dưỡng người có công có số lượng viên chức nghỉ hưu và tinh giản biên chế năm 2015, 2016 là 07, Trung tâm chăm sóc sức khỏe người có công có số lượng viên chức nghỉ hưu và tinh giản biên chế năm 2015, 2016 là 02, Trung tâm bảo trợ xã hội có số lượng viên chức nghỉ hưu và tinh giản biên chế năm 2015, 2016 là 06, theo quy định sẽ giảm 07 biên chế. Tuy nhiên, do các đơn vị được giao biên chế thấp hơn so với định mức quy định, hiện nay UBND tỉnh đang phải hỗ trợ kinh phí thực hiện hợp đồng lao động, nên đề nghị không giảm theo quy định.

- Giảm bước đầu chuyển một phần biên chế được giao sang thực hiện biên chế tự chủ do đơn vị quyết định là 13 người (đề nghị giao vào danh mục số lượng người làm việc dự phòng năm 2017 của tỉnh), gồm:

+ Đoàn mỏ địa chất - Sở Tài nguyên và Môi trường: 08 người.

+ Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: 05 người vì đã cân đối được chi thường xuyên và chuyển sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp.

Đề nghị điều chuyển số lượng người làm việc được giao năm 2016 của các đơn vị, như sau:

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Điều chuyển 13 người làm việc của Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động Xã hội số 1 cho Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động Xã hội số 2, lý do hiện nay số đối tượng quản lý của Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động Xã hội số 1 đã giảm từ hơn 600 đối tượng xuống còn gần 200 đối tượng, trong khi Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động Xã hội số 2 chưa được giao số lượng người làm việc.

- Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp: 16 người làm việc, là của Đội quy tắc xây dựng đã được chuyển giao nguyên trạng cho UBND huyện Tĩnh Gia theo Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 09/9/2010; tuy nhiên, do yêu cầu nhiệm vụ phát triển Khu Kinh tế Nghi Sơn, nên 16 người làm việc chưa chuyển giao cho UBND huyện Tĩnh Gia, mặt khác theo Quyết định số 4429/QĐ-UBND ngày 11/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Đội Quản lý, bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường Khu Kinh tế Nghi Sơn và các khu Công nghiệp tỉnh Thanh Hóa, theo đó

quy định Đội có 12 người làm việc. Tuy nhiên thực hiện Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 05/12/2014 của Chính phủ tại phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 11 năm 2014, yêu cầu các địa phương không tăng biên chế năm 2014, nên đến nay Đội chưa được giao số lượng người làm việc. Vì vậy, số lượng 16 người làm việc của Đội quy tắc đề nghị giao cho Đội Quản lý, bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường của Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp.

*(Chi tiết chi tiêu số lượng người làm việc năm 2017
có Phụ lục số 3 kèm theo).*

3. Tổng hợp đề xuất kế hoạch biên chế năm 2017.

3.1. Tổng số biên chế công chức hành chính, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, đề xuất giao năm 2017 là: 64.728, giảm 201 so với năm 2016, cụ thể như sau:

a) Biên chế công chức hành chính và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP là: 4.275, giảm 76 (1,75%) so với số giao năm 2016, trong đó:

- Biên chế công chức hành chính: 4.119, giảm 232 so với số giao năm 2016.

- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 156 người (tách riêng từ biên chế hành chính).

b) Số lượng người làm việc là: 60.453 người, giảm 125 so với số giao năm 2016, trong đó:

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 50.608 người, giảm 54 so với số giao năm 2016.

- Sự nghiệp y tế: 7.500 người, bằng số giao năm 2016.

- Sự nghiệp văn hoá thông tin và thể thao: 1.007 người, giảm 43(4,0%) so với số giao năm 2016.

- Sự nghiệp khác: 1.338 người, giảm 28 (2,04%) so với số giao năm 2016.

3.2. Biên chế dự phòng năm 2017 là: 594, trong đó:

+ Biên chế công chức hành chính dự phòng: 33 biên chế.

+ Số lượng người làm việc dự phòng năm 2017 là: 561 người (trong đó: 509 biên chế từ khối THPT, 21 biên chế từ khối Đại học, Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, 18 biên chế từ sự nghiệp Văn hóa, 13 biên chế từ sự nghiệp khác).

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trong năm 2017, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục thực hiện việc sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch mạng lưới đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung xây dựng và thực hiện Đề án sáp nhập Trung tâm giáo dục trường xuyên, Trung tâm dạy nghề, Trung tâm

kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp công lập cấp huyện thành Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo Thông tư liên tịch số 39/2015/TTLT-BLĐTBXH-BGD-BNV; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tiến hành rà soát, tổ chức lại các trường Trung cấp nghề công lập để nâng cao năng lực hoạt động của các Trường đồng thời tinh gọn bộ máy và tinh giản biên chế.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch, có lộ trình thực hiện thí điểm chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu dịch vụ bảo đảm cân đối chi thường xuyên sang thực hiện cơ chế tự chủ về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác. Trên cơ sở đó giao các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm nguồn thu dịch vụ cân đối chi thường xuyên và quyết định số lượng người làm việc của đơn vị mình thay vì giao số lượng người làm việc (biên chế) như hiện nay. Tiếp tục nghiên cứu, triển khai thí điểm chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Đối với các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đang sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc cao hơn chỉ tiêu biên chế được giao năm 2017, phải xây dựng phương án bố trí, điều chuyển, thực hiện tinh giản biên chế đảm bảo có số biên chế thực hiện bằng hoặc thấp hơn so với chỉ tiêu biên chế được giao; đồng thời chấm dứt tình trạng tự sử dụng, bố trí lao động hợp đồng ngoài biên chế làm chuyên môn, nghiệp vụ ở các cơ quan, tổ chức hành chính.

5. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục rà soát báo cáo cụ thể số hợp đồng lao động đến 31/12/2016, số hợp đồng lao động đã được xử lý và giải pháp để thực hiện đối với số hợp đồng còn lại theo quy định của pháp luật.

6. Giao các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng lộ trình, kế hoạch tinh giản biên chế cụ thể từng năm để tỷ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021 đạt tối thiểu là 10% so với biên chế được giao năm 2015 theo đúng quy định.

7. Đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, sự nghiệp y tế do tăng số học sinh, số trường, số lớp, tăng số giường bệnh mà chưa thực hiện được việc tinh giản biên chế, phải xây dựng đề án vị trí việc làm và xác định số lượng người làm việc để các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

8. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên ngoài số lượng biên chế được giao năm 2017, thực hiện rà soát, tổng hợp nhu cầu số lượng người làm việc còn thiếu trên cơ sở xác định vị trí việc làm, đồng thời căn cứ vào khả năng kinh phí để xây dựng kế hoạch số lượng người làm việc tăng thêm, lao động hợp đồng, gửi Sở Nội vụ

thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, làm cơ sở quyết định số lượng người làm việc tăng thêm và triển khai thực hiện việc tuyển dụng, hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động theo quy định.

9. Việc tuyển dụng công chức, viên chức phải căn cứ vào chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao; chỉ được tiếp nhận, tuyển dụng để thay thế không quá 50% số biên chế cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tinh giản nghỉ hưu và thôi việc theo đúng quy định.

10. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng đối với các đơn vị trong việc thực hiện quản lý, sử dụng biên chế; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế đối với các cơ quan đơn vị theo đúng các qui định hiện hành của nhà nước.

11. Xử lý nghiêm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc sử dụng, tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức, hợp đồng lao động không đúng quy định của pháp luật.

12. Chủ động trong việc thực hiện quy định phân công, phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, đồng thời nêu cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm theo đúng chỉ tiêu biên chế mà HĐND tỉnh phê duyệt và Chủ tịch UBND tỉnh quyết định giao.

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn

**Phụ lục số 01: DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN GIẢM 50% BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC
NGHỈ HƯU VÀ THỰC HIỆN TÍNH GIẢM NĂM 2015, 2016 THEO QUY ĐỊNH.**

(kèm theo Tờ trình số: 180 /TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên cơ quan đơn vị	Biên chế được giao năm 2016	Biên chế hiện có đến 30/7/2016			Số lượng Công chức nghỉ hưu và tính giảm biên chế năm 2015 và năm 2016 (tính đến 31/12/2016)			Biên chế CCHC năm 2017 giảm do nghỉ hưu và tính giảm (50%) năm 2015,2016	Biên chế công chức HC năm 2017 giảm do trừ HĐ68	Kế hoạch năm 2017			KH Biên chế năm 2017 tăng (+), giảm (-) so với số giao 2016	Ghi chú
			Tổng số	Công chức HC	Hợp đồng 68	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			
							Nghỉ hưu	tính giảm				Biên chế công chức HC	Hợp đồng 68		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(10)	(12)	(13)	(14)	(15)=(17)+ (18)	(16)=(3)- (13)-(14)	(17)	(18)=(16)- (3)	(19)
1	Huyện Mường Lát	62	56	52	4	3	0	3	0	4	62	58	4	0	Theo quy định giảm 01 nhưng đề xuất không giảm do địa bàn quản lý khó khăn, mặt khác biên chế giao năm
2	Huyện Quan Sơn	64	65	62	3	7	5	2	1	3	63	60	3	-1	Theo quy định giảm 03 nhưng đề xuất chỉ giảm 01, do địa bàn quản lý khó khăn, mặt khác biên chế giao năm 2016 thấp
3	Thị xã Sầm Sơn	70	68	65	3	4	4	0	0	3	70	67	3	0	Theo quy định giảm 02 nhưng đề xuất không giảm, do mở rộng địa giới hành chính tiếp nhận 06 xã của huyện Quảng Xương nhưng chưa được bổ sung biên chế

4	Ban Thi đua khen thưởng	11	11	11	0	1	1	0	0	0	13	13	0	2	Bổ sung 02 biên chế, để bố trí cho vị trí việc làm do khối lượng công việc tăng thêm để thực hiện chính sách đối với người có công (Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, đối tượng có công trong kháng chiến...) theo quy định mới của Luật thi đua khen thưởng; nhiệm vụ theo dõi, tổ
5	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn	72	72	67	5	4	4	0	0	4	72	68	4	0	Theo quy định giảm 02 nhưng đề xuất không giảm do mở rộng phạm vi quản lý được quy hoạch và thành lập Văn phòng đại diện tại Hà

**Phụ lục số 02: BIÊN CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG 68
 ỦA CÁC SỞ, CƠ QUAN NGANG SỞ; UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2016**
 (Kèm theo Tờ trình số: 180 /TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh)

TT	Tên cơ quan đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế công chức HC	Hợp đồng 68	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số (I+II)	4,275	4,119	156	
I	CẤP HUYỆN	2,065	1,983	82	
1	Huyện Mường Lát	62	58	4	
2	Huyện Quan Sơn	63	60	3	
3	Huyện Quan Hóa	69	67	2	
4	Huyện Bá Thước	77	74	3	
5	Huyện Lang Chánh	65	62	3	
6	Huyện Thường Xuân	78	74	4	
7	Huyện Như Xuân	66	62	4	
8	Huyện Như Thanh	66	62	4	
9	Huyện Ngọc Lặc	74	70	4	
10	Huyện Cẩm Thủy	74	72	2	
11	Huyện Thạch Thành	77	73	4	
12	Huyện Vĩnh Lộc	67	64	3	
13	Huyện Thọ Xuân	83	80	3	
14	Huyện Triệu Sơn	78	75	3	
15	Huyện Nông Cống	77	74	3	
16	Huyện Yên Định	72	72	0	
17	Huyện Thiệu Hóa	74	70	4	
18	Huyện Đông Sơn	65	61	4	
19	Huyện Hà Trung	69	67	2	
20	Thị xã Bim Sơn	66	63	3	
21	Huyện Nga Sơn	76	72	4	
22	Huyện Hậu Lộc	73	71	2	
23	Huyện Hoàng Hóa	88	84	4	

TT	Tên cơ quan đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế công chức HC	Hợp đồng 68	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
24	Huyện Quảng Xương	86	84	2	
25	Huyện Tĩnh Gia	130	128	2	
26	Thị xã Sầm Sơn	70	67	3	
27	Thành phố Thanh Hóa	120	117	3	
II	CẤP TỈNH	2,210	2,136	74	
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	107	102	5	
-	Cơ quan Sở	74	71	3	
-	Chi cục Biển và Hải đảo	17	16	1	
-	Chi cục bảo vệ môi trường	16	15	1	
2	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	84	81	3	
-	Cơ quan Sở	73	71	2	
-	Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội	11	10	1	
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	634	616	18	
-	Cơ quan Sở	89	85	4	
-	Chi cục thủy lợi	14	14	0	
-	Chi cục phát triển nông thôn	31	29	2	
-	Văn phòng điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới	14	13	1	
-	Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	24	21	3	
-	Chi cục Đê điều và phòng chống lụt bão	18	18	0	
-	Chi cục Thú y	15	15	0	
-	Chi cục bảo vệ thực vật	15	15	0	
-	Chi cục Lâm nghiệp	21	19	2	

TT	Tên cơ quan đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế công chức HC	Hợp đồng 68	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
-	Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	15	13	2	
-	Chi cục Kiểm lâm	292	288	4	
-	Vườn Quốc gia Bến En	23	23	0	
-	Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	21	21	0	
-	Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	25	25	0	
-	Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	17	17	0	
4	Sở Tư pháp	47	46	1	
5	Sở Công Thương	246	238	8	
-	Cơ quan Sở	71	67	4	
-	Chi cục Quản lý thị trường	175	171	4	
6	Sở Xây dựng	74	74	0	
7	Sở Giao thông vận tải	89	89	0	
-	Cơ quan Sở	86	86	0	
-	Ban an toàn giao thông tỉnh	3	3	0	
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	79	78	1	
9	Văn phòng UBND tỉnh	101	97	4	
10	Văn phòng HĐND tỉnh	35	35	0	
11	Sở Nội vụ	79	75	4	
-	Cơ quan Sở	44	41	3	
-	Ban Thi đua khen thưởng	13	13	0	
-	Ban Tôn giáo	12	11	1	
-	Chi cục văn thư lưu trữ	10	10	0	
12	Sở Tài chính	105	101	4	
13	Sở Y tế	88	84	4	
-	Cơ quan Sở	49	47	2	

TT	Tên cơ quan đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế công chức HC	Hợp đồng 68	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
-	Chi cục dân số kế hoạch hóa gia đình	19	18	1	
-	Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm	20	19	1	
14	Sở Khoa học và Công nghệ	64	59	5	
-	Cơ quan Sở	37	34	3	
-	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	27	25	2	
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	81	78	3	
16	Sở Thông tin và truyền thông	36	33	3	
17	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	87	85	2	
18	Thanh tra tỉnh	51	49	2	
19	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn	72	68	4	
20	Ban Dân tộc	30	28	2	
21	Sở Ngoại vụ	21	20	1	
	Biên chế Dự phòng	33	33		

**Phụ lục số 03: BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ;
CÁC SỞ, CƠ QUAN NGANG SỞ, CƠ QUAN TRỰC THUỘC UBND TỈNH NĂM 2017**
(kèm theo Tờ trình số: 180/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				
			GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng số (I+II)	60,453	50,608	7,500	1,007	1,338	
I	Cấp huyện	44,017	43,316	0	518	183	
1	Mường Lát	802	781	0	17	4	
	- TT văn hoá - Thông tin	4			4		
	- Đài truyền thanh	13			13		
	-Trạm khuyến nông	4				4	
	- Sự nghiệp Giáo dục	781	781	0	0	0	
	+ Mầm non	176	176				
	+Tiểu học	386	386				
	+TH cơ sở	207	207				
	+TTGD TX	7	7				
	+ Trung tâm DN	5	5				
2	Quan Sơn	850	829	0	17	4	
	- TT văn hoá - Thông tin	4			4		
	- Đài truyền thanh	13			13		
	-Trạm khuyến nông	4				4	
	- Sự nghiệp Giáo dục	829	829	0	0	0	
	+ Mầm non	308	308				
	+Tiểu học	285	285				
	+TH cơ sở	230	230				
	+TTGD TX	6	6				
3	Quan Hoá	923	896	0	22	5	
	- TT văn hoá - Thông tin	5			5		
	- Đài truyền thanh	17			17		
	-Trạm khuyến nông	5				5	
	- Sự nghiệp Giáo dục	896	896	0	0	0	
	+ Mầm non	315	315				
	+Tiểu học	328	328				
	+TH cơ sở	242	242				
	+TTGD TX	11	11				
4	Bá Thước	1,597	1,567	0	25	5	
	- TT văn hoá - Thông tin	9			9		

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017					
		Tổng số	Trong đó				
			GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	- Đài truyền thanh	16			16		
	-Trạm khuyến nông	5				5	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1,567	1,567	0	0	0	
	+ Mầm non	451	451				
	+Tiểu học	623	623				
	+TH cơ sở	479	479				
	+TTGDTX	14	14				
5	Lang Chánh	860	835	0	20	5	
	- TT văn hoá - Thông tin	7			7		
	- Đài truyền thanh	13			13		
	-Trạm khuyến nông	5				5	
	- Sự nghiệp Giáo dục	835	835	0	0	0	
	+ Mầm non	258	258				
	+Tiểu học	319	319				
	+TH cơ sở	245	245				
	+TTGDTX	13	13				
6	Thường Xuân	1,637	1,610	0	21	6	
	- TT văn hoá - Thông tin	7			7		
	- Đài truyền thanh	14			14		
	-Trạm khuyến nông	6				6	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1,610	1,610	0	0	0	
	+ Mầm non	538	538				
	+Tiểu học	591	591				
	+TH cơ sở	459	459				
	+TTGDTXDN	22	22				
7	Như Xuân	1,239	1,211	0	23	5	
	- TT văn hoá - Thông tin	6			6		
	- Đài truyền thanh	17			17		
	-Trạm khuyến nông	5				5	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1,211	1,211	0	0	0	
	+ Mầm non	408	408				
	+Tiểu học	450	450				
	+TH cơ sở	337	337				
	+TTGDTX	11	11				
	+ TTDN	5	5				

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				
			GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
8	Như Thanh	1,433	1,411	0	17	5	
	- TT văn hoá - Thông tin	5			5		
	- Đài truyền thanh	12			12		
	-Trạm khuyến nông	5				5	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1,411	1,411	0	0	0	
	+ Mầm non	524	524				
	+Tiểu học	470	470				
	+TH cơ sở	394	394				
	+TTGDTX	23	23				
9	Ngọc Lạc	1,839	1,813	0	21	5	
	- TT văn hoá - Thông tin	7			7		
	- Đài truyền thanh	14			14		
	-Trạm khuyến nông	5				5	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1,813	1,813	0	0	0	
	+ Mầm non	521	521				
	+Tiểu học	686	686				
	+TH cơ sở	570	570				
	+TTGDTX	36	36				
10	Cẩm Thủy	1,533	1,506	0	21	6	
	- TT văn hoá - Thông tin	9			9		
	- Đài truyền thanh	12			12		
	-Trạm khuyến nông	5				5	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1,506	1,506	0	0	0	
	+ Mầm non	455	492				
	+Tiểu học	508	508				
	+TH cơ sở	481	481				
	+TTGDTX	18	18				
	+ TTDN	7	7				
	- Ban QL Suối cá Cẩm Lương	1					1
11	Thạch Thành	1,953	1,925	0	22	6	
	- TT văn hoá - Thông tin	10			10		
	- Đài truyền thanh	9			9		
	-Trạm khuyến nông	6				6	
	- Ban QL Di tích Ngọc Trạo	3			3		
	- Sự nghiệp Giáo dục	1,925	1,925	0	0	0	

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017					
		Tổng số	Trong đó				
			GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	+ Mầm non	573	573				
	+Tiểu học	717	717				
	+TH cơ sở	617	617				
	+TTGDTX	13	13				
	+ TTDN	5	5				
12	Vinh Lộc	1,067	1,045	0	17	5	
	- TT văn hoá - Thông tin	10			10		
	- Đài truyền thanh	7			7		
	-Trạm khuyến nông	5				5	
	<i>- Sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>1,045</i>	<i>1,045</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
	+ Mầm non	385	385				
	+Tiểu học	366	366				
	+TH cơ sở	276	276				
	+TTGDTX	13	13				
	+ TTDN	5	5				
13	Thọ Xuân	2,510	2,482	0	21	7	
	- TT văn hoá - Thông tin	12			12		
	- Đài truyền thanh	9			9		
	-Trạm khuyến nông	7				7	
	<i>- Sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>2,482</i>	<i>2,482</i>	<i>0</i>	<i>0</i>		
	+ Mầm non	673	673				
	+Tiểu học	900	900				
	+TH cơ sở	872	872				
	+TTGDTX	20	20				
	+ TTDN	17	17				
14	Triệu Sơn	2,322	2,299	0	16	7	
	- TT văn hoá - Thông tin	8			8		
	- Đài truyền thanh	8			8		
	-Trạm khuyến nông	7				7	
	<i>- Sự nghiệp Giáo dục</i>	<i>2,299</i>	<i>2,299</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
	+ Mầm non	620	620				
	+Tiểu học	895	895				
	+TH cơ sở	753	753				
	+TTGDTX	25	25				
	+ TTDN	6	6				

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017					
		Tổng số	Trong đó				
			GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
15	Nông Công	1,905	1,880	0	18	7	
	- TT văn hoá - Thông tin	10			10		
	- Đài truyền thanh	8			8		
	-Trạm khuyến nông	7				7	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1,880	1,880	0	0	0	
	+ Mầm non	470	470				
	+Tiểu học	762	762				
	+TH cơ sở	622	622				
	+TTGDTX	20	20				
	+ TTDN	6	6				
16	Yên Định	1,866	1,846	0	15	5	
	- TT văn hoá - Thông tin	8			8		
	- Đài truyền thanh	7			7		
	-Trạm khuyến nông	5				5	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1,846	1,846	0	0	0	
	+ Mầm non	571	571				
	+Tiểu học	712	712				
	+TH cơ sở	533	533				
	+TTGDTX	22	22				
	+ Trường TC nghề	8	8				
17	Thiệu Hoá	1,619	1,602	0	12	5	
	- TT văn hoá - Thông tin	6			6		
	- Đài truyền thanh	6			6		
	-Trạm khuyến nông	5				5	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1,602	1,602	0	0	0	
	+ Mầm non	459	459				
	+Tiểu học	645	645				
	+TH cơ sở	474	474				
	+TTGDTX	17	17				
	+ TTDN	7	7				
18	Đông Sơn	929	908	0	16	5	
	- TT văn hoá - Thông tin	9			9		
	- Đài truyền thanh	7			7		
	-Trạm khuyến nông	5				5	
	- Sự nghiệp Giáo dục	908	908	0	0	0	

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017					
		Tổng số	Trong đó				
			GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	+ Mầm non	290	290				
	+Tiểu học	336	336				
	+TH cơ sở	247	247				
	+TTGDTX	30	30				
	+ TTDN	5	5				
19	Hà Trung	1,401	1,382	0	14	5	
	- TT văn hoá - Thông tin	7			7		
	- Đài truyền thanh	7			7		
	-Trạm khuyến nông	5				5	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1,382	1,382	0	0	0	
	+ Mầm non	385	385				
	+Tiểu học	492	492				
	+TH cơ sở	479	479				
	+TTGDTX	26	26				
20	Bim Sơn	609	583	0	18	8	
	- TT văn hoá - Thông tin	11			11		
	- Đài truyền thanh	7			7		
	-Trạm khuyến nông	3				3	
	Đội quy tắc đô thị	5				5	
	- Sự nghiệp Giáo dục	583	583	0	0	0	
	+ Mầm non	199	199				
	+Tiểu học	203	203				
	+TH cơ sở	162	162				
	+TTGDTX	8	8				
	+Trường trung cấp nghề	11	11				
21	Nga Sơn	1,843	1,820	0	18	5	
	- TT văn hoá - Thông tin	9			9		
	- Đài truyền thanh	9			9		
	-Trạm khuyến nông	5				5	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1,820	1,820	0	0	0	
	+ Mầm non	561	561				
	+Tiểu học	626	626				
	+TH cơ sở	602	602				
	+TTGDTX	24	24				
	Trường trung cấp nghề	7	7				

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017					
		Tổng số	Trong đó				
			GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
22	Hậu Lộc	1,946	1,925	0	15	6	
	- TT văn hoá - Thông tin	8			8		
	- Đài truyền thanh	7			7		
	-Trạm khuyến nông	6				6	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1,925	1,925	0	0	0	
	+ Mầm non	529	529				
	+Tiểu học	743	743				
	+TH cơ sở	626	626				
	+TTGDTX	21	21				
	TT dạy nghề	6	6				
23	Hoàng Hoá	2,468	2,437	0	24	7	
	- TT văn hoá - Thông tin	12			12		
	- Đài truyền thanh	12			12		
	-Trạm khuyến nông	7				7	
	- Sự nghiệp Giáo dục	2,437	2,437	0	0	0	
	+ Mầm non	712	712				
	+Tiểu học	963	963				
	+TH cơ sở	725	725				
	+TTGDTX	37	37				
24	Quảng Xương	1,935	1,912	0	16	7	
	- TT văn hoá - Thông tin	9			9		
	- Đài truyền thanh	7			7		
	-Trạm khuyến nông	7				7	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1,912	1,912	0	0	0	
	+ Mầm non	488	488				
	+Tiểu học	750	750				
	+TH cơ sở	651	651				
	+TTGDTX	15	15				
	+Trường trung cấp nghề	8	8				
25	Tĩnh Gia	2,533	2,507	0	19	7	
	- TT văn hoá - Thông tin	9			9		
	- Đài truyền thanh	10			10		
	-Trạm khuyến nông	7				7	
	- Sự nghiệp Giáo dục	2,507	2,507	0	0	0	
	+ Mầm non	609	609				

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017					
		Tổng số	Trong đó				
			GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	+Tiểu học	1,063	1,063				
	+TH cơ sở	806	806				
	+TT GDTX	29	29				
26	Sầm Sơn	1,086	1,059		18	9	
	- TT văn hoá -Thể thao du lịch	11			11		
	- Đài truyền thanh	7			7		
	-Trạm khuyến nông	4				4	
	- Đội quy tắc thị xã	5				5	
	- Sự nghiệp Giáo dục	1,059	1,059	0	0	0	
	+ Mầm non	267	267				
	+Tiểu học	420	420				
	+Trung học cơ sở	359	359				
	+GDTX	13	13				
27	Thành phố Thanh Hoá	3,312	3,245	0	35	32	
	- TT văn hoá-Thông tin	23			23		
	- Đài truyền thanh	12			12		
	Đội quy tắc thành phố	17				17	
	-Trạm khuyến nông	5				5	
	- Ban QL Di tích LSVH Hàm Rồng	8				8	
	- Trung tâm Phát triển Quý đất	2				2	
	- Sự nghiệp Giáo dục	3,245	3,245	0	0	0	
	+ Mầm non	910	910				
	+Tiểu học	1,312	1,312				
	+Trung học cơ sở	1,000	1,000				
	+GDTX	14	14				
	+ Trường trung cấp nghề	9	9				
II	CẤP TỈNH	16,436	7,292	7,500	489	1,155	
28	Sở Tài nguyên và Môi trường	68				68	
	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	7				7	
	Đoàn mô địa chất	20				20	
	Trung tâm quan trắc và bảo vệ môi trường	10				10	
	Trung tâm công nghệ thông tin	8				8	

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017					
		Tổng số	Trong đó				
			GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Quỹ bảo vệ môi trường	2				2	
	Đoàn đo đạc bản đồ và quy	4				4	
	Trung tâm phát triển quỹ đất Thanh Hoá	17				17	
29	Sở Lao động Thương binh và XH	261	23			238	
	TT điều dưỡng người có công	51				51	
	TT chăm sóc sức khoẻ người có công	20				20	
	TT Bảo trợ xã hội	57				57	
	TT Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội số 1	35				35	
	TT Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội số 2	13				13	
	TT Bảo trợ xã hội số 2	21				21	
	TT cung cấp dịch vụ công tác xã hội	16				16	
	TT Dịch vụ việc làm	13				13	
	Trường trung cấp nghề miền núi	16	16				
	Trường trung cấp nghề TTN khuyết tật ĐBKK	7	7				
	Trung tâm chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí khu vực miền núi	10				10	
	Quỹ bảo trợ trẻ em	2				2	
30	Sở Nông nghiệp và PTNT	564	0	0	0	564	
	Chi cục Đề điều và phòng chống lụt bão	82				82	
	Chi cục Thú y	103				103	
	Chi cục bảo vệ thực vật	88				88	
	Chi cục quản lý chất lượng NLS và TS	7				7	
	Chi cục Kiểm lâm	35				35	
	Vườn quốc gia bến en	28				28	
	Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	2				2	
	Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	3				3	

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017					
		Tổng số	Trong đó				
			GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	3				3	
	TT khuyến nông	39				39	
	TT nghiên cứu ứng dụng KHKT chăn nuôi	12				12	
	TT nghiên cứu và sản xuất giống Thủy sản	10				10	
	TT nghiên cứu ứng dụng KHCN lâm nghiệp	13				13	
	TT nghiên cứu ứng dụng KHKT giống cây trồng NN	14				14	
	TT nước sinh hoạt và vệ sinh MT	10				10	
	12 Ban QL rừng phòng hộ	91				91	
	Đoàn quy hoạch thiết kế nông, lâm nghiệp	5				5	
	Đoàn quy hoạch thiết kế thủy lợi	4				4	
	Quỹ bảo vệ và phát triển rừng	3				3	
	Ban QL Cảng cá Lạch Hới	4				4	
	Ban QL Cảng cá Lạch Bạng	4				4	
	Ban QL Cảng cá Hoà Lộc	4				4	
31	Sở Tư pháp	52				52	
	TT bán đấu giá tài sản	6				6	
	TT trợ giúp pháp lý	36				36	
	3 Phòng công chứng	10				10	
32	Sở Công thương	36	24			12	
	Chi cục quản lý thị trường						
	Trường trung cấp nghề thương mại du lịch	24	24				
	TT khuyến công và Tiết kiệm năng lượng	12				12	
33	Sở Xây dựng	31	31				
	Trường trung cấp nghề XD	31	31				
34	Sở Giao thông vận tải	20	15	0	0	5	
	Trường TC nghề giao thông vận tải	15	15				
	Quỹ Bảo trì đường bộ	5				5	

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017					
		Tổng số	Trong đó				
			GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
35	Sở Giáo dục và Đào tạo	5,964	5,964				
	Các trường Trung học phổ thông (gồm cả 87 biên chế THCS của 04 trường 2 cấp học THCS và THPT)	5,890	5,890				
	TT giáo dục thường xuyên	44	44				
	TT Kỹ thuật thực hành-HN và DN	30	30				
36	Văn phòng UBND tỉnh	35				35	
	Nhà khách 25B	30				30	
	Trung tâm công báo	5				5	
37	Sở Nội vụ	12				12	
	Chi cục Văn thư lưu trữ	12				12	
38	Sở Y tế	7,500		7,500		0	
	Chi cục dân số kế hoạch hoá và gia đình	178	0	178	0	0	
-	Cơ quan Chi cục	11		11			
-	TT Dân số-KHHGD	167		167			
	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	16		16			
	Khối Trung tâm y tế tuyến tỉnh	277		277			
	Khối Trung tâm y tế tuyến huyện	1,018		1,018			
	Khối bệnh viện tuyến tỉnh	2,895		2,895			
	Khối bệnh viện tuyến huyện	3,116		3,116			
39	Sở Khoa học và Công nghệ	25				25	
	TT NCUD và phát triển công nghệ sinh học	9				9	
	TTNC ứng dụng Chuyển giao KHCN	10				10	
	TT dịch vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng	6				6	
40	Sở Thông tin và truyền thông	12				12	
	TT công nghệ thông tin	12				12	
41	Sở Văn hóa, Thể thao và DL	390			390		
	Thư viện tỉnh	25			25		
	Ban nghiên cứu lịch sử	9			9		
	TT Văn hóa tỉnh	31			31		

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017					
		Tổng số	Trong đó				
			GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TT triển lãm, hội chợ và quảng cáo	15			15		
	Bảo tàng tỉnh	19			19		
	Ban quản lý di tích và danh thắng	16			16		
	Nhà hát ca múa kịch Lam Sơn	70			70		
	Đoàn cải lương	26			26		
	Đoàn Chèo	33			33		
	Đoàn tuồng	28			28		
	TT bảo tồn di sản thành Nhà Hồ	11			11		
	TT phát hành phim và chiếu bóng	33			33		
	Báo văn hóa và đời sống	15			15		
	TT huấn luyện và thi đấu thể thao	36			36		
	Ban QL Di tích lam kinh	6			6		
	Câu lạc bộ bóng đá Thanh Hoá	17			17		
42	Ban Quản lý Khu Kinh tế NS	16				16	
43	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	124	25		99		
	Văn phòng đài	99			99		
	Trường trung cấp nghề PTTT	25	25				
44	Trường Đại học Hồng Đức	679	679				
	Trường Đại học Hồng Đức	667	667				
	Trung tâm giáo dục Quốc tế	12	12				
45	Trường Cao đẳng Y tế	123	123				
46	Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và DL	118	118				
47	Trường Cao đẳng TDTT	68	68				
48	Trường Cao đẳng nghề CN	80	80				
49	Trường Cao đẳng nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	45	45				
50	Trường Cao đẳng Nông lâm Thanh Hoá	65	65				
51	Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn Thanh Hóa	15	15				
52	Hội Văn học nghệ thuật	17				17	

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017						
		Tổng số	Trong đó					
			GD-ĐT	YT	VH-TT	SN khác	Ghi chú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
53	Hội Chữ thập đỏ	11				11		
54	Hội Đông y	9				9		
55	Hội người mù	8				8		
56	Hội làm vườn và trang trại	4				4		
57	Liên hiệp các hội khoa học và KT	4				4		
58	Hội bóng đá	1				1		
59	Hội Luật gia	2				2		
60	Hội nhà báo	7				7		
61	Liên minh các HTX	32	17			15		
	Văn phòng	15				15		
	Trường TC nghề Tiểu thủ CN	17	17					
62	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	1				1		
63	Viện Quy hoạch - Kiến trúc	20				20		
64	Trung tâm xúc tiến Đầu tư, TM, DL	17				17		
Biên chế Dự phòng			561					

Số: /NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về việc giao biên chế công chức hành chính; phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017 của tỉnh Thanh Hoá.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 2.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ Quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 3925/QĐ-BNV ngày 25/10/2016 của Bộ Nội vụ về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức hành chính tỉnh Thanh Hóa năm 2016;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 180/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số/BC-BPC ngàytháng.... năm 2016 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Về việc giao biên chế công chức hành chính; phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017 của tỉnh Thanh Hoá, cụ thể như sau:

1. Biên chế công chức hành chính và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP là: : 4.275, trong đó:

- Biên chế công chức hành chính: 4.119 biên chế;

- Lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: 156 người.

(Có danh mục kèm theo).

2. Số lượng người làm việc : 60.453 người, bao gồm:

a) Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo : 50.608 người.

b) Sự nghiệp Y tế : 7.500 người;

c) Sự nghiệp Văn hoá - Thông tin và Thể thao: 1.007 người;

d) Sự nghiệp khác : 1.338 người.

3. Biên chế công chức hành chính và số lượng người làm việc dự phòng: 594, trong đó:

- Biên chế công chức hành chính: 33 biên chế.

- Số lượng người làm việc: 561 người.

Biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc dự phòng để bố trí cho các cơ quan, tổ chức được bổ sung chức năng, nhiệm vụ hoặc được thành lập mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét để giao biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc dự phòng của tỉnh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và Nghị quyết này tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XVII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày /.../2016 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./

Nơi nhận:

- VP QH, VP CP;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP. HĐND, VP.UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT. KHTH.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

**DANH MỤC GIAO BIÊN CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG 68
CỦA CÁC SỞ, CƠ QUAN NGANG SỞ; UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2017**
(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên cơ quan đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế công chức HC	Hợp đồng 68	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số (I+II)	4.275	4.119	156	
I	CẤP HUYỆN	2.065	1.983	82	
1	Huyện Mường Lát	62	58	4	
2	Huyện Quan Sơn	63	60	3	
3	Huyện Quan Hóa	69	67	2	
4	Huyện Bá Thước	77	74	3	
5	Huyện Lang Chánh	65	62	3	
6	Huyện Thường Xuân	78	74	4	
7	Huyện Như Xuân	66	62	4	
8	Huyện Như Thanh	66	62	4	
9	Huyện Ngọc Lặc	74	70	4	
10	Huyện Cẩm Thủy	74	72	2	
11	Huyện Thạch Thành	77	73	4	
12	Huyện Vĩnh Lộc	67	64	3	
13	Huyện Thọ Xuân	83	80	3	
14	Huyện Triệu Sơn	78	75	3	
15	Huyện Nông Cống	77	74	3	
16	Huyện Yên Định	72	72	0	
17	Huyện Thiệu Hóa	74	70	4	
18	Huyện Đông Sơn	65	61	4	
19	Huyện Hà Trung	69	67	2	
20	Thị xã Bim Sơn	66	63	3	
21	Huyện Nga Sơn	76	72	4	
22	Huyện Hậu Lộc	73	71	2	
23	Huyện Hoằng Hóa	88	84	4	

TT	Tên cơ quan đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế công chức HC	Hợp đồng 68	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
24	Huyện Quảng Xương	86	84	2	
25	Huyện Tĩnh Gia	130	128	2	
26	Thị xã Sầm Sơn	70	67	3	
27	Thành phố Thanh Hóa	120	117	3	
II	CẤP TỈNH	2.210	2.136	74	
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	107	102	5	
-	Cơ quan Sở	74	71	3	
-	Chi cục Biển và Hải đảo	17	16	1	
-	Chi cục bảo vệ môi trường	16	15	1	
2	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	84	81	3	
-	Cơ quan Sở	73	71	2	
-	Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội	11	10	1	
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	634	616	18	
-	Cơ quan Sở	89	85	4	
-	Chi cục thủy lợi	14	14	0	
-	Chi cục phát triển nông thôn	31	29	2	
-	Văn phòng điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới	14	13	1	
-	Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	24	21	3	
-	Chi cục Đê điều và phòng chống lụt bão	18	18	0	
-	Chi cục Thú y	15	15	0	
-	Chi cục bảo vệ thực vật	15	15	0	
-	Chi cục Lâm nghiệp	21	19	2	

TT	Tên cơ quan đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế công chức HC	Hợp đồng 68	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
-	Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	15	13	2	
-	Chi cục Kiểm lâm	292	288	4	
-	Vườn Quốc gia Bến En	23	23	0	
-	Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	21	21	0	
-	Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	25	25	0	
-	Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	17	17	0	
4	Sở Tư pháp	47	46	1	
5	Sở Công Thương	246	238	8	
-	Cơ quan Sở	71	67	4	
-	Chi cục Quản lý thị trường	175	171	4	
6	Sở Xây dựng	74	74	0	
7	Sở Giao thông vận tải	89	89	0	
-	Cơ quan Sở	86	86	0	
-	Ban an toàn giao thông tỉnh	3	3	0	
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	79	78	1	
9	Văn phòng UBND tỉnh	101	97	4	
10	Văn phòng HĐND tỉnh	35	35	0	
11	Sở Nội vụ	79	75	4	
-	Cơ quan Sở	44	41	3	
-	Ban Thi đua khen thưởng	13	13	0	
-	Ban Tôn giáo	12	11	1	
-	Chi cục văn thư lưu trữ	10	10	0	
12	Sở Tài chính	105	101	4	
13	Sở Y tế	88	84	4	
-	Cơ quan Sở	49	47	2	

TT	Tên cơ quan đơn vị	Kế hoạch biên chế năm 2017			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế công chức HC	Hợp đồng 68	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
-	Chi cục dân số kế hoạch hóa gia đình	19	18	1	
-	Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm	20	19	1	
14	Sở Khoa học và Công nghệ	64	59	5	
-	Cơ quan Sở	37	34	3	
-	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	27	25	2	
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	81	78	3	
16	Sở Thông tin và truyền thông	36	33	3	
17	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	87	85	2	
18	Thanh tra tỉnh	51	49	2	
19	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn	72	68	4	
20	Ban Dân tộc	30	28	2	
21	Sở Ngoại vụ	21	20	1	
	Biên chế Dự phòng	33	33		

Số: 413 /BCTĐ-STP

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết về việc giao biên chế công chức quản lý hành chính Nhà nước; phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017 của tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa.

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1482/SNV-TCBC ngày 29/11/2016 của Sở Nội vụ về việc thẩm định "*Nghị quyết về việc giao biên chế công chức quản lý hành chính Nhà nước; phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017 của tỉnh Thanh Hóa*". Sau khi nghiên cứu nội dung Dự thảo và căn cứ các quy định của pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Về thẩm quyền ban hành văn bản:

Theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 thì Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ quyết định biên chế công chức trong cơ quan của HĐND, UBND, đơn vị sự nghiệp công lập của UBND các cấp trên địa bàn tỉnh theo chỉ tiêu biên chế được Chính phủ giao; quyết định phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của Chính phủ. Do vậy, HĐND tỉnh ban hành "*Nghị quyết về việc giao biên chế công chức quản lý hành chính Nhà nước; phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017 của tỉnh Thanh Hóa*" là phù hợp và đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung văn bản:

Dự thảo Nghị quyết đã thể hiện chi tiết các nội dung về: Biên chế công chức hành chính và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP; Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa - thông tin và thể thao; Biên chế dự phòng; Biên chế tăng thêm đối với các đơn vị sự nghiệp có thu tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên; Số lượng

người làm việc tại các trạm y tế xã phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.

3. Về kỹ thuật trình bày văn bản:

Dự thảo đã đảm bảo về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của pháp luật.

Kính chuyển Sở Nội vụ báo cáo UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, XDVB.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Hữu Viên